

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **92** /CBTT-NQB

Quảng Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2022

"V/v: Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình

- Mã chứng khoán : NQB
- Địa chỉ Trụ sở chính : số 81- Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 0232.3822354- 3822620;
- Email: capnuocqb@gmail.com
- Người công bố thông tin: ông Lê Anh Dũng- Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp.

2. Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình, bao gồm: Bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo kết quả kinh doanh; Bảng cân đối kế toán; báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thông tin này được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/3/2022, tại đường dẫn: **Capnuocquangbinh.vn**.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT.



Lê Anh Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Lê Minh Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên
Ông Ngô Thành Chung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Tiến	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Văn Ban	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Anh Dũng- Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Số: 032401/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2022, từ trang 5 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-1
Ngày 24 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.898.324.320	24.373.420.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.382.419.053	8.673.351.548
1. Tiền	111		8.382.419.053	8.673.351.548
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.010.816.783	5.895.392.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.510.850.417	5.720.075.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	405.219.700	160.983.850
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		153.094.380	73.550.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(59.928.140)	(59.928.140)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.580.426	710.823
III. Hàng tồn kho	140	V.5	10.203.661.761	8.989.941.259
1. Hàng tồn kho	141		10.347.862.622	9.139.064.236
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(144.200.861)	(149.122.977)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		301.426.723	814.735.042
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	146.454.709	148.186.088
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.585.280	579.567.299
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	40.386.734	86.981.655
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.661.855.010	234.818.444.893
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.000.000	33.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		33.000.000	33.000.000
II. Tài sản cố định	220		211.361.708.948	209.803.587.857
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	211.064.686.697	209.541.045.884
- Nguyên giá	222		455.847.385.731	429.930.179.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(244.782.699.034)	(220.389.133.568)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	297.022.251	262.541.973
- Nguyên giá	228		654.000.000	554.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(356.977.749)	(291.458.027)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.817.179.359	23.279.337.658
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	9.817.179.359	23.279.337.658
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.449.966.703	1.702.519.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.449.966.703	1.702.519.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		249.560.179.330	259.191.865.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.347.586.147	77.604.595.450
I. Nợ ngắn hạn	310		30.490.789.602	30.630.493.209
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	7.745.405.863	4.185.620.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		589.332.454	2.727.422
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	1.784.508.010	1.604.766.624
4. Phải trả người lao động	314		8.867.883.405	7.215.228.779
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	539.562.495	661.388.062
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.223.846.250	2.244.536.643
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	7.717.305.696	13.762.607.840
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.022.945.429	953.617.407
II. Nợ dài hạn	330		36.856.796.545	46.974.102.241
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	36.856.796.545	46.974.102.241
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.212.593.183	181.587.269.574
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	182.212.593.183	181.587.269.574
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.302.040.000	172.302.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.302.040.000	172.302.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.648.166.996	2.048.166.996
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.262.386.187	7.237.062.578
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		7.262.386.187	7.237.062.578
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		249.560.179.330	259.191.865.024

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.872.719.170	94.278.479.326
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	106.872.719.170	94.278.479.326
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.805.272.548	75.286.528.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.067.446.622	18.991.950.760
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		12.396.958	16.943.875
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	3.097.821.176	2.719.245.162
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.097.821.176	2.719.245.162
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.540.871.281	2.512.272.563
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	7.429.924.507	5.275.807.634
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.011.226.616	8.501.569.276
11. Thu nhập khác	31		76.983.618	39.775.033
12. Chi phí khác	32		27.500	108.943.148
13. Lợi nhuận khác	40		76.956.118	(69.168.115)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.088.182.734	8.432.401.161
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.825.796.547	1.195.338.583
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.262.386.187	7.237.062.578
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	190,5	189,8
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	190,5	189,8

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	134.305.882.850	118.891.431.473
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.651.098.644)	(34.092.281.020)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(30.690.070.182)	(29.872.293.350)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(3.219.646.743)	(2.840.647.254)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.573.338.584)	(2.540.783.979)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.323.813.127	9.872.331.706
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(36.938.254.004)	(32.459.047.834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.557.287.820	26.958.709.742
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.027.327.813)	(49.819.211.229)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.396.958	16.943.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.014.930.855)	(49.802.267.354)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.624.740.843	32.875.703.762
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.787.348.683)	(16.440.274.784)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.670.681.620)	(2.490.443.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.833.289.460)	13.944.985.944
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(290.932.495)	(8.898.571.668)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.673.351.548	17.571.923.216
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.382.419.053	8.673.351.548

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 1992 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là: 172.302.040.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm linh hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 81 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề
1	Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Số 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
2	Chi nhánh cấp nước Đồng Hới	Ngõ 55 Lê Thành Đồng, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
3	Chi nhánh cấp nước Ba Đồn	Khu phố 1, Phường Ba Đồn, Thị xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
4	Trạm cấp nước Hoàn Lão	TK2, Thị trấn Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
5	Trạm cấp nước Kiến Giang	Thôn Quy Hậu, Xã Liên Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
6	Trạm cấp nước Quy Đạt	Xã Yên Hoá, Thị trấn Quy Đạt, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
7	Trạm cấp nước Đồng Lê	TK2, Thị trấn Đồng Lê, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
8	Trạm cấp nước TTNT Việt Trung	TK3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
9	Trạm cấp nước Quán Hàu	TK4, Thị trấn Quán Hàu, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
10	Trạm cấp nước Phong Nha	Xã Sơn Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch
11	Trạm cấp nước Rào Đá	Xã An Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình	Cung cấp nước sạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

8. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 221 người (tại 31 tháng 12 năm 2020 là 220 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	49.574.877	239.391.113
Tiền gửi ngân hàng	8.332.844.176	8.433.960.435
Cộng	8.382.419.053	8.673.351.548

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	6.510.850.417	5.720.075.749
Cộng	6.510.850.417	5.720.075.749

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật Minh Châu	234.027.200	-
Công Ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh miền Trung	66.000.000	66.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp MIWA	50.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	55.192.500	94.983.850
Cộng	405.219.700	160.983.850

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Hải sản Xuất khẩu	25.043.117	-	25.043.117	25.043.117	-	25.043.117
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Quảng Bình	14.861.748	-	14.861.748	14.861.748	-	14.861.748
Công ty Xây dựng Lũng Lô	10.255.667	-	10.255.667	10.255.667	-	10.255.667
Đối tượng khác	9.767.608	-	9.767.608	9.767.608	-	9.767.608
Cộng	59.928.140	-	59.928.140	59.928.140	-	59.928.140

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.171.682.737	144.200.861	8.916.307.942	149.122.977
Công cụ, dụng cụ	20.100.000	-	75.900.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	156.079.885	-	146.856.294	-
Cộng	10.347.862.622	144.200.861	9.139.064.236	149.122.977

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	109.473.508.512	39.767.354.587	280.517.498.172	171.818.181	429.930.179.452
Mua trong năm	-	533.975.000	-	-	533.975.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	18.496.321.770	330.765.799	6.556.143.710	-	25.383.231.279
Phân loại lại	(415.392.168)	415.392.168	-	-	-
Số dư cuối năm	127.554.438.114	41.047.487.554	287.073.641.882	171.818.181	455.847.385.731
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	62.492.884.355	16.927.318.224	140.939.951.453	28.979.536	220.389.133.568
Khấu hao trong năm	5.395.348.524	2.813.775.313	16.160.448.457	23.993.172	24.393.565.466
Phân loại lại	(309.440.144)	309.462.276	(22.132)	-	-
Số dư cuối năm	67.578.792.735	20.050.555.813	157.100.377.778	52.972.708	244.782.699.034
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	46.980.624.157	22.840.036.363	139.577.546.719	142.838.645	209.541.045.884
Số dư cuối năm	59.975.645.379	20.996.931.741	129.973.264.104	118.845.473	211.064.686.697

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 76.096.084.433 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 41.540.184.629 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 27.456.122.781 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 7.941.482.391 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	554.000.000	554.000.000
Mua trong năm	100.000.000	100.000.000
Số dư cuối năm	654.000.000	654.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	291.458.027	291.458.027
Khấu hao trong năm	65.519.722	65.519.722
Số dư cuối năm	356.977.749	356.977.749
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	262.541.973	262.541.973
Số dư cuối năm	297.022.251	297.022.251

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mạng cấp 3 Nghĩa Ninh, Đồng Sơn, Đồng Hới năm 2018	4.896.417.182	3.943.169.672
Mạng cấp 3 năm 2021	3.534.365.942	-
Đầu tư xây mới trụ sở văn phòng Công ty	-	16.336.644.679
Các công trình khác	1.386.396.235	2.999.523.307
Cộng	9.817.179.359	23.279.337.658

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.599.996	24.678.751
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	131.854.713	123.507.337
Cộng	146.454.709	148.186.088
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	876.684.738	642.312.554
Chi phí mua bảo hiểm	3.246.986	10.374.890
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.570.034.979	1.049.831.934
Cộng	2.449.966.703	1.702.519.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	2.576.970.000	2.576.970.000	1.694.610.060	1.694.610.060
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	849.679.160	849.679.160	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Bình	820.630.220	820.630.220	466.821.432	466.821.432
Phải trả các đối tượng khác	3.498.126.483	3.498.126.483	2.024.188.940	2.024.188.940
Cộng	7.745.405.863	7.745.405.863	4.185.620.432	4.185.620.432

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	44.174	-	44.174
Thuế tài nguyên	40.386.734	46.550.747	-	86.937.481
Cộng	40.386.734	46.594.921	-	86.981.655
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	5.909.556.646	5.909.556.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	468.285.243	1.825.796.547	1.573.338.584	215.827.280
Thuế Thu nhập cá nhân	45.551.900	210.819.530	166.657.930	1.390.300
Thuế tài nguyên	-	245.839.199	245.839.199	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	284.015.240	284.015.240	-
Các loại thuế khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phí BVMT đối với nước thải	1.270.670.867	20.217.814.930	20.334.693.107	1.387.549.044
Cộng	1.784.508.010	28.706.842.092	28.527.100.706	1.604.766.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí lãi vay	539.562.495	661.388.062
Cộng	539.562.495	661.388.062

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.325.547	8.747.838
Kinh phí công đoàn	259.970.118	255.227.934
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	966.000.000	723.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	986.550.585	1.257.060.871
Trong đó:		
+ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Quảng Bình	498.441.956	415.814.560
+ Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Quảng Bình	317.079.000	-
+ Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất Thành Phố Đồng Hới	-	156.201.178
+ Phí nước thải	-	616.805.504
+ Phải trả, phải nộp khác	171.029.629	68.239.629
Cộng	2.223.846.250	2.244.536.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	7.624.740.843	16.070.042.988	8.445.302.145	8.445.302.145
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	-	-	7.624.740.843	16.070.042.988	8.445.302.145	8.445.302.145
Cộng vay ngắn hạn	-	-	7.624.740.843	16.070.042.988	8.445.302.145	8.445.302.145
Vay dài hạn đến hạn trả	7.717.305.696	7.717.305.696			5.317.305.695	5.317.305.695
Tổng	7.717.305.696	7.717.305.696			13.762.607.840	13.762.607.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	44.574.102.241	44.574.102.241	-	7.717.305.695	52.291.407.936	52.291.407.936
Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình (i)	26.424.102.241	26.424.102.241		5.317.305.695	31.741.407.936	31.741.407.936
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	18.150.000.000	18.150.000.000	-	2.400.000.000	20.550.000.000	20.550.000.000
Cộng	44.574.102.241	44.574.102.241	-	7.717.305.695	52.291.407.936	52.291.407.936
Phân loại sang vay ngắn hạn	(7.717.305.696)	(7.717.305.696)			(5.317.305.695)	(5.317.305.695)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình	(5.317.305.696)	(5.317.305.696)			(5.317.305.695)	(5.317.305.695)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)			-	-
Cộng	36.856.796.545	36.856.796.545			46.974.102.241	46.974.102.241

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam từ nguồn vốn vay ODA để thực hiện dự án "Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã" được ký kết lại giữa Bộ Tài chính và Công ty theo Hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 8 năm 1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ký ngày 28 tháng 04 năm 2008 với giá trị gốc vay là 69.904.158.089 đồng với thời hạn vay 25 năm, thời gian ân hạn là 05 năm, lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 877/2019/VCB.KHDN ngày 31 tháng 10 năm 2019; số tiền cho vay tối đa là 6 tỷ đồng, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án, thời hạn cho vay là 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án, lãi suất cho vay là trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên (margin) được xác định tại thời điểm các bên ký hợp đồng tín dụng và được điều chỉnh ngày khi có thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam khi có thay đổi. Tài sản bảo đảm là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 688/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 11 tháng 06 năm 2019.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 856/2020/VCB.KHDN ngày 24 tháng 08 năm 2020; số tiền cho vay tối đa là 16 tỷ đồng nhưng không vượt quá 77,5% tổng mức đầu tư của Phương án đầu tư mua lại Hệ thống Nhà máy nước Rào Đá, thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư mua lại hệ thống nhà máy nước Rào Đá đã được cấp thẩm quyền phê duyệt phù hợp với hợp đồng mua bán tài sản số 21/HĐMD ngày 04 tháng 05 năm 2020 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình, lãi suất cho vay là lãi suất cho vay có điều chỉnh: lãi suất cơ sở + 2%/năm đối với 2 năm đầu và lãi suất cơ sở + 2,5%/năm kể từ năm thứ 3 trở đi. Tài sản bảo đảm là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 688/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 11 tháng 06 năm 2019.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.717.305.696	5.317.305.695
Từ hai đến năm thứ năm	30.869.222.784	21.269.222.780
Sau năm năm	5.987.573.761	25.704.879.461
Cộng	44.574.102.241	52.291.407.936
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	7.717.305.696	5.317.305.695
Số phải trả sau 12 tháng	36.856.796.545	46.974.102.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	172.302.040.000	1.548.166.996	6.339.135.915	180.189.342.911
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	7.237.062.578	7.237.062.578
Chia cổ tức	-	-	(2.490.443.034)	(2.490.443.034)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.120.436.335)	(3.120.436.335)
Trích quỹ thưởng ban điều hành (*)	-	-	(228.256.546)	(228.256.546)
Số dư đầu năm nay	172.302.040.000	2.048.166.996	7.237.062.578	181.587.269.574
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	7.262.386.187	7.262.386.187
Chia cổ tức (*)	-	-	(2.670.681.620)	(2.670.681.620)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	600.000.000	(600.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.966.380.958)	(3.966.380.958)
Số dư cuối năm nay	172.302.040.000	2.648.166.996	7.262.386.187	182.212.593.183

(*) Theo Nghị quyết số 108/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 600.000.000 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp, trường ban kiểm soát với số tiền là 3.966.380.958 đồng;
- Chia cổ tức với số tiền là 2.670.681.620 đồng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định thời gian trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.230.204	17.230.204
- Cổ phiếu phổ thông	17.230.204	17.230.204
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.230.204	17.230.204
- Cổ phiếu phổ thông	17.230.204	17.230.204
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán nước sinh hoạt và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	97.407.048.680	85.088.556.325
Doanh thu lắp đặt ống nhánh	8.373.343.961	8.168.826.799
Doanh thu khác	1.092.326.529	1.021.096.202
Cộng	106.872.719.170	94.278.479.326

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	77.128.645.045	67.686.847.094
Giá vốn lắp đặt ống nhánh	6.743.174.738	6.583.843.241
Dự phòng (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(4.922.116)	8.387.600
Giá vốn của hoạt động khác	938.374.881	1.007.450.631
Cộng	84.805.272.548	75.286.528.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.097.821.176	2.719.245.162
Cộng	3.097.821.176	2.719.245.162

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương quản lý	2.305.080.000	1.953.900.000
Chi phí vật liệu quản lý	74.677.154	118.513.382
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	856.363.759	373.951.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.486.672.417	1.019.819.992
Chi phí bằng tiền khác	2.707.131.177	1.809.623.101
Cộng	7.429.924.507	5.275.807.634
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu	2.540.871.281	2.512.272.563
Cộng	2.540.871.281	2.512.272.563

5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.088.182.734	8.432.401.161
Các khoản điều chỉnh tăng	40.800.000	105.731.577
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>40.800.000</i>	<i>105.731.577</i>
Thu nhập chịu thuế	9.128.982.734	8.538.132.738
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	1.825.796.547	1.707.626.547
Giảm thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	512.287.964
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.825.796.547	1.195.338.583

6. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.262.386.187	7.237.062.578
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(3.980.259.943)	(3.966.380.958)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.282.126.244	3.270.681.620
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	190,5	189,8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

- (*) Quý khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính bằng tỷ lệ Quý khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2020 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.237.062.578	-	7.237.062.578
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.562.440.265)	(403.940.693)	(3.966.380.958)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.674.622.313	(403.940.693)	3.270.681.620
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	-	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	213,3	(23,4)	189,8

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.314.426.814	11.059.608.757
Chi phí nhân công	35.372.309.741	34.253.899.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.459.085.188	21.832.383.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.246.518.126	4.657.829.010
Chi phí khác bằng tiền	5.383.728.467	11.270.887.591
Cộng	94.776.068.336	83.074.608.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng ban kiểm soát	2.305.080.000	1.837.000.000
Lê Anh Dũng	492.480.000	462.000.000
Nguyễn Văn Dũng	437.760.000	396.000.000
Lê Văn Nghĩa	369.360.000	343.200.000
Trần Văn Tiến	369.360.000	85.800.000
Trần Văn Ban	280.440.000	220.000.000
Lê Minh Chương	355.680.000	330.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	43.200.000	43.200.000
Nguyễn Thế Minh	14.400.000	14.400.000
Lê Minh Chương	14.400.000	14.400.000
Ngô Thành Chung	14.400.000	14.400.000
Cộng	2.348.280.000	1.880.200.000

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 03 năm 2022